

子女姓氏約定書

中文	本人 年 月 日出生之子女，約定從 ☐ 父 姓，並命名 為：_____。
英文	We agreed that our child, born on _____ (date) will bear the ☐ father's or the ☐ mother's surname and he / she will be named : _____.
越南文	Nay con cái của tôi sinh ngày ____ tháng ____ năm _____, giao hẹn theo họ ☐ Cha , ☐ Mẹ và đặt tên là _____.
印尼文	Dengan ini menyatakan bahwa anak saya yang lahir pada tahun bulan tanggal berikut, akan mengikuti marga (ayah 父/ibu 母), dan diberi nama : _____
泰文	ข้าพเจ้าขอรับรองบุตรที่เกิดในวันที่ _____ เดือน _____ ปี เป็นบุตรของข้าพเจ้า และจะใช้นามสกุลตามนามสกุลของ ☐ บิดา ☐ มารดา และตั้งชื่อบุตรว่า : _____
柬埔寨文	kUnrbs; 'EdlekItenAéf¶TI Ex ☐ «Buk qñaM)ansnµtdak; namtamnamrbs; ☐ mpay ehIydak; eQuaH ³ _____ .

立約定書人：父（夫）：_____（簽章）
 國民身分證統一編號 _____
 （或護照號碼、統一證號） _____

立約定書人：母（妻）：_____（簽章）
 國民身分證統一編號 _____
 （或護照號碼、統一證號） _____

中 華 民 國 年 月 日